TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 505/2023/DS-PT
Ngày 26-12-2023
V/v tranh chấp hợp đồng ủy quyền và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng;

Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 400/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng ủy quyền và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2023/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 440/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1961; địa chỉ: ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Phạm Thị Minh N, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. Ông Vũ Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: tổ D, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Vũ Anh T1, sinh năm 1977 và ông Nguyễn Thiên K, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: khu phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 23/12/2022), ông T1 có mặt, ông K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị B, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Vũ Tiến N1, sinh năm 1970; địa chỉ: khu phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 06/11/2023), có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trương Thanh H1 – Chức vụ: Chủ tịch, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Thái Văn C – Chức vụ: Chi cục Trưởng, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* bị đơn bà Trần Thị Bích .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị Minh N và ông Vũ Văn T thống nhất trình bày:*

Gia đình bà N có quan hệ quen biết với bà B. Ngày 16/12/2022, bà N có vay của bà B số tiền mặt là 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng). Gia đình bà N thống nhất thế chấp cho bà B tài sản chung là phần đất có diện tích 860,8m^2 thuộc thửa đất số 343, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Ngày 16/12/2022, ông H, bà N, ông T ký với bà B hợp đồng ủy quyền có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Khi ký kết, gia đình bà N và bà B thỏa thuận với nhau là ký để thế chấp làm tin cho khoản vay 1.300.000.000 đồng. Bà B có viết tay, ký vào Giấy cam kết ngày 16/12/2022 với nội dung cho gia đình bà N nhận "chuộc" (nhận lại đất) sau thời hạn 02 năm (đến ngày 16/12/2024) nếu gia đình bà N có tiền hoàn trả đủ cho bà B 1.700.000.000 đồng (đã tính tiền nợ gốc 1.300.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh 1,5%/tháng). Nếu như gia đình bà N trả nợ trước hạn 02 năm thì trừ lại tiền lãi mỗi tháng 1,5%). Tuy thỏa thuận với nhau như trên nhưng khi ký hợp đồng ủy quyền có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã M thì không ghi như vậy mà ghi bên bà B có quyền rất lớn như "chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, cho thuê toàn bộ quyền sử dụng đất nêu trên".

Gia đình bà N thấy rằng hợp đồng ủy quyền nêu trên là giả tạo cho hợp đồng vay và quá nguy hiểm cho tài sản của mình, xâm phạm đến quyền lợi của ông bà nhưng bà B không thỏa thuận lại cho đúng bản chất sự việc nên nguyên đơn khởi kiện.

Nay nguyên đơn yêu cầu như sau:

- Yêu cầu hủy Hợp đồng ủy quyền có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương được ký kết giữa ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị Minh N, ông Vũ Văn T với bà Trần Thị B ngày 16/12/2022.

- Yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương được ký kết giữa bà Trần Thị B, là người đại diện cho ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị Minh N, ông Vũ Văn T ký với bà Nguyễn Thị H2 ngày 17/01/2023.

Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng.

- Bị đơn bà Trần Thị B trình bày:

Bà B và bà N có quan hệ quen biết. Bà N2 có đến hỏi mượn tiền bà B. Vì tin tưởng nên bà B đồng ý cho bà N2 mượn tiền với tổng số tiền là 2.025.000.000 đồng. Bà N2 có làm giấy mượn tiền và ký tên. Khi bà B cần số tiền này thì yêu cầu bà N2 thanh toán. Do đó, bà N2 có bàn với gia đình là chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà B. Vì quyền sử dụng đất đứng tên ông H, bà N2, ông T đồng sở hữu nên ông H có kêu bà B lên nhà để thỏa thuận. Ông H yêu cầu bà B đưa số tiền là 1.700.000.000 đồng thì ông H, bà N2 và ông T ra Ủy ban nhân dân xã M để ký ủy quyền. Sau này bà N2 muốn chuộc lại nhà đất thì trả hết tiền cho bà B. Bà B đồng ý nên hai bên có ra Ủy ban nhân dân xã M để ký ủy quyền cho bà B được toàn quyền quyết định đối với phần đất thuộc thửa đất số 343, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Đồng thời, bà B có viết tờ giấy tay với số tiền bà B đưa cho ông H là 1.700.000.000 đồng và bà B đồng ý hứa 02 năm từ năm 2022 đến năm 2024 nếu gia đình ông H có tiền lúc nào đưa cho bà B thì bà B sẽ hủy ủy quyền trả lại quyền sử dụng đất cho gia đình ông H. Trong hai năm gia đình ông H phải tính lãi suất cho bà B là 1,5%/tháng của số tiền mà bà N2 và ông H nhận. Tuy nhiên từ khi ký hợp đồng ủy quyền đến nay thì gia đình ông H không đóng lãi cho bà B được lần nào.

Nay gia đình ông H yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền và hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì bà B không đồng ý. Tuy nhiên nếu gia đình ông H trả hết tiền cho bà B gồm: tiền ông H là 1.700.000.000 đồng và bà N2 là 2.025.000.000 đồng thì bà B đồng ý hủy hợp đồng ủy quyền. Bà B không đồng ý làm đơn phản tố yêu cầu ông H, bà N2 thanh toán số tiền trên.

Ngoài ra bà B không có ý kiến gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương trình bày:

Ngày 16/12/2022, Ủy ban nhân dân xã M có tiếp nhận thủ tục yêu cầu chứng thực hợp đồng ủy quyền giữa ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị Minh N và ông Vũ Văn T với bà Trần Thị B . Sau khi đối chiếu và kiểm tra đầy đủ hồ sơ đề nghị chứng thực hợp đồng ủy quyền nêu trên thì Ủy ban nhân dân xã M nhận thấy hồ sơ đầy đủ và phù hợp với quy định pháp luật và đã tiến hành xác nhận, chứng thực hợp đồng ủy quyền theo đúng quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định để giải quyết vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương trình bày:

Chi cục Thi hành án dân sự huyện D thụ lý, thi hành Quyết định số 05/2023/QĐST-DS ngày 13/01/2023 và Quyết định số 10/2023/QĐST-DS ngày 09/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện D. Người phải thi hành án là bà Phạm Thị Minh N. Nghĩa vụ thi hành án: nộp số tiền án phí 43.820.000 đồng và trả nợ công dân: 2.166.000.000 đồng và lãi suất chậm thi hành án.

Quá trình thi hành án thì Chi cục Thi hành án huyện D đã ban hành các quyết định thi hành án và tiến hành tống đạt các quyết định thi hành án cho bà N theo quy định nhưng bà N không tự nguyện thi hành án.

Qua xác minh, Chi cục Thi hành án dân sự huyện D xác định bà N có tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 343, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH02039 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 30/3/2018 cho bà N (cùng đứng tên quyền sử dụng đất với ông H) và tài sản trên đất.

Nay tài sản trên đang tranh chấp tại Tòa án nhân dân huyện D thì Chi cục Thi hành án dân sự huyện D có ý kiến như sau: qua xác minh xác định bà N có tài sản nêu trên là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện D ban hành quyết định cưỡng chế là đúng quy định pháp luật đảm bảo việc thi hành án. Nay việc tranh chấp trên có liên quan đến tài sản này nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện D xét xử theo quy định pháp luật.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H2 trình bày:

Bà H2 chỉ quen biết bà B và bà N, không có bà con thân thích. Đầu năm 2023, bà H2 và bà B có thỏa thuận ký chuyển nhượng phần đất thuộc thửa đất số 343, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương do Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 30/3/2018 cho ông H, bà N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH02039 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Cụ thể ký chuyển nhượng ngày nào thì bà H2 không nhớ vì bà không giữ lại hợp đồng chuyển nhượng. Việc ký hợp đồng chuyển nhượng này thực chất là bà B nhờ bà H2 đứng tên dùm, không phải mua bán, chuyển nhượng. Do đó, sau khi ký xong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì toàn bộ giấy tờ bà H2 đều giao cho bà Bích giữ. Bà B tự đi làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất cho bà H2. Đồng thời, bà H2 có làm giấy tay là đứng tên dùm phần đất này cho bà B.

Trước đây khi bà N nợ tiền mua bán mủ cao su và nợ tiền vay nên gia đình bà N có ký ủy quyền cho bà H2 toàn quyền quyết định đối với phần đất thuộc thửa đất số 343, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Sau đó, bà B đứng ra trả hết nợ của bà N cho bà H2 và chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về. Khi bà B trả hết nợ cho bà N thì bà H2 cùng với gia đình bà N ra Ủy ban nhân dân xã M để ký hủy hợp đồng ủy quyền, đồng thời gia đình bà N cũng ký hợp đồng ủy quyền toàn quyền cho bà B đối với thửa đất trên vào ngày 16/12/2022. Bà B thanh toán tiền dùm cho bà N bao nhiêu thì bà H2 không nhớ vì sự việc đã lâu, giấy tờ bà H2 không còn giữ.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà N, ông H, ông T thì bà H2 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Bà không yêu cầu gì trong vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2023/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng ủy quyền và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" của ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị Minh N, ông Vũ Văn T đối với bà Trần Thị Bích .

Tuyên bố Hợp đồng ủy quyền ngày 16/12/2022 được ký tại Ủy ban nhân dân xã M giữa bên ủy quyền là ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị Minh N, ông Vũ Văn T và bên nhận ủy quyền là bà Trần Thị B là vô hiệu.

Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/01/2023 được ký tại Ủy ban nhân dân xã M giữa bà Trần Thị B và bà Nguyễn Thị H2 là vô hiệu.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/9/2023, bị đơn bà Trần Thị B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng buộc bị đơn liên đới trả lại số tiền là 2.000.000.000 đồng, trong đó tiền vay 1.7000.000.000 đồng, tiền lãi là 300.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Trần Thị B là ông Vũ Tiến N1 vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị Minh N và ông Vũ Văn T là ông Nguyễn Vũ Anh T1 vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thống nhất việc ký Hợp đồng ủy quyền ngày 16/12/2022 là che giấu cho giao dịch vay tiền giữa nguyên đơn với bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên Hợp đồng ủy quyền ngày 16/12/2022 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/01/2023 vô hiệu nhưng không xem xét giải quyết hợp đồng vay tiền là thiếu sót, tuy nhiên nếu Hội đồng xét xử xem xét thì không đảm bảo 02 cấp xét xử theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, kháng cáo của bị đơn là có căn cứ chấp nhận một phần, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị Minh N, ông Vũ Văn T là ông Nguyễn Thiên K; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương; Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương và bà Nguyễn Thị H2 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự có tên trên.

[2] Ngày 16/12/2022, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị Minh N, ông Vũ Văn T ký Hợp đồng ủy quyền cho bà Trần Thị B, hợp đồng được Ủy ban nhân dân xã M chứng thực số 325/2022, quyển số 01-SCT/HĐ,GD. Theo nội dung hợp đồng thể hiện: bên ủy quyền là ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị Minh N, ông Vũ Văn T và bên nhận ủy quyền là bà Trần Thị B; hai bên thỏa thuận ủy quyền đối với phần đất thuộc thửa đất số 343, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 766922 + CK 766923 (số vào sổ CH02039) do Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 30/3/2018 cho ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Minh N cùng sử dụng; phạm vi ủy quyền: bên B được toàn quyền thay mặt và nhân danh bên A thực hiện những công việc sau: chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, cho thuê (kể cả việc hủy hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, cho thuê) toàn bộ quyền sử dụng đất của bên A đối với quyền sử dụng đất trên. Thời hạn ủy quyền: 10 năm.

[3] Cùng ngày 16/12/2022, bà Trần Thị Bích v "Giấy cam kết" có nội dung *"tôi Trần Thị Bích ấp H, xã M DT-BD. Tôi cam đoan trong vòng 2 năm từ ngày 16/12/2022 đến 16/12/2024 sẽ cho em N chuộc lại sổ đỏ mang tên Phạm Văn H đồng sở hữu Phạm Thị Minh N thửa đất 343 tờ bản đồ số 10 với số tiền là 1.700.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm triệu đồng). Tôi cam kết từ ngày 16 tháng 12/2022 nếu bà N có tiền bất cứ lúc nào muốn chuộc sổ lại tôi phải đồng ý (trừ lại lãi suất chuộc sổ sớm 1.5/1 tháng. Nguyệt cam đoan trả cho tôi hết cả những số tiền. Tôi cam đoan nếu làm sai cam kết (không cho N chuộc sổ đỏ lại) tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật"*.

[4] Trên cơ cở hợp đồng ủy quyền, ngày 17/01/2023, bà Trần Thị Bích k hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà bà B đã được ông H, bà N và ông T ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H2. Hợp đồng được Ủy ban nhân dân xã M chứng thức số 19, quyển số 01/2023-SCT/HĐ,GD. Ngày 18/01/2023, bà Nguyễn Thị H2 viết giấy cam đoan, quyền sử dụng đất mà bà H2 nhận chuyển nhượng từ bà B là đứng tên hộ bà B.

[5] Quá trình tố tụng, các đương sự đều thừa nhận các chứng cứ trên nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Nguyên đơn cho rằng Hợp đồng ủy quyền ngày 16/12/2022 là che giấu cho giao dịch vay tiền giữa nguyên đơn với bị đơn nên yêu cầu Tòa án tuyên hủy Hợp đồng ủy quyền ngày 16/12/2022 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/01/2023. Bị đơn thống nhất Hợp đồng ủy quyền ngày 16/12/2022 là để che giấu cho giao dịch vay tiền; bị đơn trình bày muốn hủy Hợp đồng ủy quyền ngày 16/12/2022 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/01/2023 thì nguyên đơn phải trả cho bị đơn số tiền đã vay cùng lãi suất.

[7] Căn cứ vào "Giấy cam kết ngày 16/12/2022" do bị đơn bà B viết cũng như lời khai của bà B, lời thừa nhận của người đại diện hợp pháp của bà B thì có căn cứ xác định Hợp đồng ủy quyền ngày 16/12/2022 là che giấu cho giao dịch vay tiền giữa nguyên đơn với bị đơn nên hợp đồng bị vô hiệu theo quy định tại Điều 117, Điều 124 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Bà B biết rõ hợp đồng ủy quyền là để che giấu cho giao dịch vay tiền nhưng để đảm bảo quyền lợi cho bà B, bà B đã nhờ bà H2 đứng tên chuyển nhượng từ bà B nên giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà B và bà H2 cũng vô hiệu. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên Hợp đồng ủy quyền ngày 16/12/2022 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/01/2023 vô hiệu, là có căn cứ.

[8] Về giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định, nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu, bị đơn không đồng ý làm đơn phản tố nên Tòa án cấp sơ thẩm giành cho các đương sự khởi kiện bằng vụ kiện khác. Xét, tại khoản 1 Điều 124 của Bộ luật Dân sự quy định *"Khi các bên xác lập giao dịch dân sự một*

cách giả tạo nhằm che giấu một giao dịch dân sự khác thì giao dịch dân sự giả tạo vô hiệu, còn giao dịch dân sự bị che giấu vẫn có hiệu lực, trừ trường hợp giao dịch đó cũng vô hiệu theo quy định của Bộ luật này hoặc luật khác có liên quan". Đối chiếu quy định trên, thì giao dịch vay mượn giữa nguyên đơn và bị đơn vẫn có hiệu lực, bà B đã có ý kiến khi hủy hợp đồng phải trả lại số tiền vay nên không cần phản tố, hợp đồng vay tiền phải được xem xét, giải quyết trong cùng vụ án. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm nếu xem xét, giải quyết là không đảm bảo 02 cấp xét xử theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Từ những phân tích trên, cần hủy bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại, kháng cáo của bị đơn là có cơ sở chấp nhận một phần.

[10] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 148, Điều 296, khoản 3 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị B .

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2023/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn bà Trần Thị B không phải chịu. Hoàn trả cho bà Trần Thị B số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009307 ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện D;
- TAND huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Mộng Tuyết